Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-29 09:08:22 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 34/2026/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt quy hoạch

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt quy hoạch.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 2 Điều 49 Luật Viễn thông về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt quy hoạch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, công bố, thực hiện việc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet là quy hoạch chi tiết ngành nhằm sắp xếp, phân bổ không gian hoạt động của tài nguyên kho số viễn thông và tài nguyên Internet.

2. Thời kỳ quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet là thời kỳ áp dụng của quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

Điều 4. Nội dung quy hoạch

1. Nội dung quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet bao gồm quy định về tên, cấu trúc, độ dài, tính năng kỹ thuật của mã, số viễn thông, tài nguyên Internet đảm bảo phù hợp với quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet quốc tế và khả dụng trong mạng viễn thông, mạng Internet; đảm bảo phù hợp và cụ thể hóa quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

2. Danh mục quy hoạch kho số viễn thông bao gồm:

a) Quy hoạch cấu trúc số quốc tế và số quốc gia;

b) Quy hoạch số quốc gia;

c) Quy hoạch mã, số dịch vụ;

d) Quy hoạch mã, số định tuyến kỹ thuật;

đ) Quy hoạch số dịch vụ khẩn cấp, số dùng chung;

e) Quy hoạch mã, số phục vụ lợi ích công cộng, quốc phòng, an ninh.

3. Danh mục quy hoạch tài nguyên Internet bao gồm:

a) Quy hoạch tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

b) Quy hoạch địa chỉ Internet (địa chỉ IP);

c) Quy hoạch số hiệu mạng.

Điều 5. Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch

1. Cơ quan lập quy hoạch xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch đảm bảo nguyên tắc quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Viễn thông và trên cơ sở đánh giá về điều kiện, nguồn lực, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển ngành.

2. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm:

a) Căn cứ lập quy hoạch;

b) Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch;

c) Phạm vi, đối tượng quy hoạch;

d) Xác định các nhiệm vụ trọng tâm của quy hoạch;

đ) Dự thảo nội dung quy hoạch;

e) Thời hạn lập quy hoạch, kế hoạch lập quy hoạch và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch;

g) Thời kỳ quy hoạch;

h) Phương pháp lập quy hoạch;

i) Chi phí lập quy hoạch;

k) Nội dung khác (nếu có).

3. Cơ quan lập quy hoạch xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

4. Cơ quan lập quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet là Cục Viễn thông (chủ trì) và Trung tâm Internet Việt Nam (phối hợp) trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Tổ chức lấy ý kiến quy hoạch

1. Sau khi được phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch xây dựng các nội dung của quy hoạch, tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan quy hoạch; đăng tải Hồ sơ lấy ý kiến dự thảo quy hoạch lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ và Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch.

2. Hồ sơ lấy ý kiến dự thảo quy hoạch bao gồm:

a) Dự thảo Tờ trình phê duyệt quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

3. Việc lấy ý kiến góp ý dự thảo quy hoạch bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày. Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện Hồ sơ quy hoạch.

Điều 7. Thẩm định quy hoạch

1. Quy định về Hội đồng thẩm định quy hoạch.

a) Cơ quan lập quy hoạch đề xuất thành phần Hội đồng thẩm định và cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban

hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet;

b) Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch là Bộ trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các đơn vị thuộc Bộ, Sở Khoa học và Công nghệ và doanh nghiệp viễn thông liên quan (nếu có). Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định;

c) Hội đồng thẩm định quy hoạch chịu trách nhiệm thẩm định nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổ chức lấy ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ, các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan trước khi trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

d) Hội đồng thẩm định quy hoạch tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

đ) Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến bằng hình thức họp trực tiếp hoặc bằng phiếu xin ý kiến; tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thẩm định; dự thảo biên bản họp Hội đồng thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thẩm định phân công.

2. Hồ sơ quy hoạch trình thẩm định bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Dự thảo Tờ trình phê duyệt quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

c) Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy hoạch; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Báo cáo đánh giá tác động.

3. Báo cáo thẩm định quy hoạch gồm những nội dung chính như sau:

a) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Sự phù hợp với quy hoạch ngành;

c) Tính thống nhất của dự thảo quy hoạch với hệ thống pháp luật, tính tương thích với quy hoạch quốc tế có liên quan (nếu có);

d) Tính khả thi của quy hoạch.

4. Quy định về việc thẩm định quy hoạch:

a) Hội đồng thẩm định quy hoạch chỉ tổ chức thẩm định khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch có quyền yêu cầu cơ quan lập quy hoạch cung cấp thêm thông tin, giải trình về các nội dung liên quan;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan lập quy hoạch gửi Hồ sơ trình thẩm định, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thực hiện thẩm định quy hoạch theo quy định tại Thông tư này;

c) Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo hình thức tập thể, thực hiện quá trình thảo luận một cách công khai và quyết định bằng cách sử dụng phiếu biểu quyết theo nguyên tắc đa số;

d) Quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng thẩm định biểu quyết, đánh giá đồng ý thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung;

đ) Sau khi có kết quả của Hội đồng thẩm định quy hoạch, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi Báo cáo thẩm định quy hoạch cho cơ quan lập quy hoạch để hoàn thiện Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch.

Điều 8. Thực hiện việc phê duyệt quy hoạch

1. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Tờ trình phê duyệt quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

c) Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quy hoạch; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Báo cáo đánh giá tác động;

đ) Báo cáo thẩm định quy hoạch;

e) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch (nếu có).

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định quy hoạch của Hội đồng thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt quy hoạch.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch.

Điều 9. Hình thức công bố, công khai quy hoạch

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quy hoạch được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm công bố quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet.

2. Hình thức công bố quy hoạch:

a) Công bố quyết định phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ và Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;

b) Cập nhật cơ sở dữ liệu về quy hoạch trên hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;

c) Công bố quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 10. Thực hiện quy hoạch

Kể từ ngày quyết định phê duyệt quy hoạch có hiệu lực, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện quy hoạch.

Điều 11. Quy định về điều chỉnh quy hoạch

1. Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch và khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có sự điều chỉnh, thay đổi quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet quốc tế làm thay đổi nội dung quy hoạch;

b) Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch;

c) Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh;

d) Khi quy hoạch có vướng mắc, bất cập trong triển khai thực tế;

đ) Khi dung lượng kho số viễn thông, tài nguyên Internet theo quy hoạch được đưa vào sử dụng đạt trên 70%;

e) Khi quy hoạch mâu thuẫn với quy hoạch mà quy hoạch đó cụ thể hóa.

2. Cơ quan lập quy hoạch xây dựng báo cáo đánh giá việc thực hiện quy hoạch kho số viễn thông và tài nguyên Internet khi có một trong căn cứ để thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và thực hiện quy hoạch quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 21/2025/TT-BKHCN ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt quy hoạch hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông, Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để xem xét, hướng dẫn và giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân